

- ☒ A. FNA nhân giáp và hạch cổ
- B. Chỉ FNA hạch do kết quả siêu âm đã đủ để khẳng định bản chất của nhân giáp
- C. Chỉ cần FNA nhân giáp do hạch cổ ở vị trí không phù hợp với ung thư tuyến giáp
- D. Chỉ định PET Scan
- E. Bắt đầu điều trị ngay

Câu 9. Bà B, 45 tuổi, đến khám bệnh với kết quả siêu âm gợi ý K giáp đa ổ hai thùy, tiền căn bản thân chưa ghi nhận bất thường. Kết quả FNA gợi ý Carcinôm tuyến giáp dạng tủy. Chọn câu đúng.

- A. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy là loại ung thư xuất phát từ tế bào cận nang thuộc tuyến giáp
- B. Cần hỏi thêm tiền căn gia đình
- C. Đây là loại ung thư xuất phát từ tủy xương và di căn đến tuyến giáp
- D. A và C đúng
- ☒ E. A và B đúng

Câu 10. Bà B cho biết mẹ bà từng được chẩn đoán ung thư tuyến giáp và mất đã lâu nhưng không rõ loại gì. Bà có thắc mắc liệu bệnh lý này có di truyền không? Chọn câu đúng.

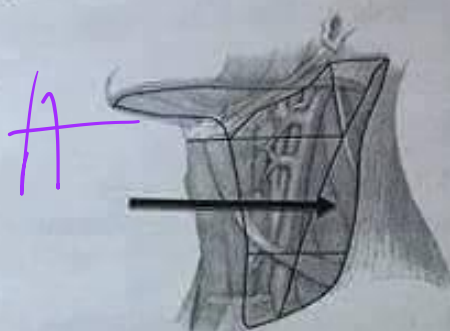
- A. Ung thư tuyến giáp không liên quan di truyền
- B. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy chắc chắn có liên quan di truyền
- ☒ C. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy có thể do di truyền hoặc đơn độc
- D. Cần cắt giáp dự phòng cho những người còn lại trong gia đình nếu có một người thân trực hệ bị carcinôm tuyến giáp dạng tủy.
- E. Tuyến giáp là một tuyến nội tiết và ung thư tuyến giáp phần lớn có liên quan đến hội chứng đa bướu tuyến nội tiết, thường mang tính di truyền

Câu 11. Chọn thứ tự đúng về ba vị trí ung thư đầu cổ thường gặp nhất

- A. Hốc miệng – Vùng hầu – Thanh quản
- ☒ B. Hốc miệng – Thanh quản – Vùng hầu
- C. Thanh quản – Hốc miệng – Vùng hầu
- D. Thanh quản – Vùng hầu – Hốc miệng
- E. Vùng hầu – Thanh quản – Hốc miệng

Câu 12. Vị trí đánh mũi tên trên hình là hạch cổ nhóm mấy?

- ☒ A. VA
- B. VB
- C. VI
- D. IV
- E. II



Câu 13. Loại Giải Phẫu Bệnh thường gặp nhất của ung thư vùng đầu cổ là

- A. Carcinôm kém biệt hóa
- B. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú
- C. Carcinôm tuyến giáp kém biệt hóa
- D. Carcinôm tế bào đáy
- ☒ E. Carcinôm tế bào gai

Câu 14. Chọn câu sai

- A. Rượu và thuốc lá là hai yếu tố nguy cơ quan trọng nhất của ung thư vùng đầu cổ
- B. Khi vừa hút thuốc lá vừa uống rượu, nguy cơ ung thư đầu cổ tăng lên gấp nhiều lần so với từng yếu tố nguy cơ đơn lẻ
- C. Epstein Barr virus là một yếu tố nguy cơ ung thư vòm hầu đã được chứng minh
- ☒ D. Virus gây bướu nhú ở người (HPV) không có mối liên hệ nào với ung thư vùng đầu cổ
- E. Nhiễm trùng xoang miệng mạn tính là một nguyên nhân sinh ung

Câu 15. Chọn câu đúng về ung thư vùng đầu cổ

- A. Ung thư nguyên phát thứ hai rất hiếm gặp
- B. Ung thư nguyên phát luôn luôn tìm thấy khi đã có hạch cổ di căn
- ☒ C. Hồng sản và bạch sản là các sang thương tiền ung
- D. Đánh giá giai đoạn ung thư đầu cổ không bao gồm di căn xa (M)
- E. Đánh giá giai đoạn ung thư đầu cổ không bao gồm di căn hạch (N)



Câu 16. Nguyên nhân gây ra các triệu chứng chung trong ung thư vùng đầu cổ

- A. Bướu
- B. Các rối loạn chức năng
- C. Hạch
- D. A và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

slide 7

E

Câu 17. Chọn câu sai về các dấu hiệu nghi ngờ ung thư vùng đầu cổ

- A. Khàn tiếng trên ba tuần
- B. Nghẹt mũi một bên
- C. Khối u vùng cổ
- D. Liệt VII ngoại biên
- E. Đột ngột đau khi nuốt

E

Câu 18. Bệnh nhân nam, 50 tuổi, đến khám vì khàn tiếng kéo dài 2 tuần nay không bớt dù đã uống thuốc kháng sinh và kháng viêm. Hỏi kỹ bệnh sử, bệnh nhân không có triệu chứng lâm sàng nào khác. Ngoài ra bệnh nhân khai có thói quen hút thuốc nhiều nhưng không uống rượu. Xử trí ban đầu và thích hợp tại phòng khám đa khoa là:

- A. Đổi thuốc kháng sinh và kháng viêm mạnh hơn, nếu khàn tiếng đủ 3 tuần có thể gợi ý ung thư thanh quản
- B. Soi tai mũi họng gián tiếp
- C. Chụp CT scan vùng đầu cổ
- D. Chụp MRI vùng đầu cổ
- E. Siêu âm vùng cổ

B

Câu 19. Bệnh nhân đến nhập viện vì một sang thương sùi niêm mạc má (T), đường kính 3cm, khám lâm sàng và siêu âm cổ phát hiện hạch cổ (T) nhóm 1 nghi ngờ căn. Xử trí thích hợp để có chẩn đoán xác định cho bệnh nhân này là:

- A. Chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA) sang thương niêm mạc má
- B. FNA sang thương niêm mạc má và hạch cổ
- C. Sinh thiết băng kèm bấm sang thương niêm mạc má và FNA hạch cổ
- D. Sinh thiết băng kèm bấm sang thương niêm mạc má và mổ sinh thiết cổ
- E. FNA hạch cổ

B

Câu 20. Mục tiêu điều trị của ung thư vùng đầu cổ là

- A. Tận gốc

B. Bảo tồn chức năng

C. Thẩm mỹ - tạo hình

☒ D. Tất cả đều đúng

E. Tất cả đều sai

Câu 21. Yếu tố nào trong các yếu tố sau làm tăng nguy cơ ung thư vú nhiều nhất:

A. Có kinh sớm

B. Không có con

☒ C. Gia đình có mẹ hoặc chị em gái bị ung thư vú

D. Độ đậm mô vú cao

E. Tiền căn xạ trị vào vùng ngực trước 30 tuổi ✓

tiền căn k vú gia đình là quan trọng nhất ở ng trẻ

Câu 22. Hạch vùng của ung thư vú là, chọn câu sai:

A. Hạch nách

B. Hạch vú trong

C. Hạch dưới đòn

D. Hạch trên đòn

☒ E. Hạch trung thất

Câu 23. Điều nào sau đây đúng về sinh thiết lõi kim

A. Kết quả sinh thiết lõi kim là tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán một người có bị ung thư hay không

B. Chi phí đắt hơn sinh thiết mở do cần dụng cụ chuyên biệt

C. Thời gian thực hiện thủ thuật lâu

☒ D. Có thể làm hóa mô miễn dịch từ mẫu mô sinh thiết lõi kim

E. A, D đúng

Câu 24. Một bệnh nhân nữ 56 tuổi đến khám vì bướu vú (T). BS khám ghi nhận bướu 2cm, có mật độ sượng, giới hạn không rõ, di động kém, co rút da trên bướu. Kết quả siêu âm, nhũ ảnh, FNA đều là bướu lành. Thái độ xử trí tiếp theo

A. Chẩn đoán bệnh nhân bị bướu lành

B. Hẹn tái khám 6 tháng kiểm tra lại

C. Mổ lấy bướu nếu bệnh nhân muốn

D. Chuyển bs gia đình theo dõi

☒ E. Cho làm xét nghiệm mô học bướu.

Câu 25. Ung thư vú thường gặp nhất là

A. Sarcôm vú

B. Bệnh Paget

C. Carcinôm tiểu thùy

☒ D. Carcinôm ống tuyến vú



E. Lymphôm

Câu 26. Yếu tố tiên lượng quan trọng nhất trong ung thư vú

- A. Kích thước bướu
- B. Di căn hạch
- ☒ C. Grad mô học
- D. Tình trạng thụ thể nội tiết, HER2
- E. Chỉ số tăng trưởng tế bào

2011/356

C

Câu 27. Phương pháp phẫu trị ung thư vú nào có độ rộng phẫu thuật lớn nhất

- ☒ A. Đoạn nhũ toàn phần
- B. Cắt rộng
- C. Cắt góc tư vú
- D. Đoạn nhũ tận gốc biên dờ
- E. Phẫu thuật Halsted

Đoạn nhũ tận gốc

F

Câu 28. Điều nào sau đây đúng về xạ trị ung thư vú

- ☒ A. Là phương pháp điều trị kiểm soát tại chỗ tại vùng
- B. Có thể thay thế phẫu thuật
- C. Không có tác dụng phụ lên mô lành
- D. Bản chất là tia cực tím
- E. A,B đúng

A

Câu 29. Điều nào sau đây đúng về ung thư vú ở nước ta:

- A. Tình huống phát hiện thường gặp nhất là do tầm soát ung thư vú
- ☒ B. Có thể di căn hạch nách khi bướu còn rất nhỏ
- C. Luôn diễn tiến theo trình tự: xâm lấn tại chỗ, di căn hạch, di căn xa
- D. Hạch nách không bị di căn chứng tỏ bệnh còn khu trú tại chỗ
- E. Tất cả đúng

B

Câu 30. Điều trị nội tiết trong ung thư vú có nghĩa là

- ☒ A. Dùng nội tiết tố nữ để ngăn sự phát triển của bướu
- B. Tất cả bệnh nhân ung thư vú đều có thể điều trị
- C. Thuốc chỉ tác dụng lên tuyến vú
- D. Không có tác dụng phụ
- E. Tất cả sai.

A

Câu 31. Nạo sinh thiết ung thư nội mạc tử cung

- A. Là thủ thuật có nguy cơ cao gây thủng tử cung
- B. Thường không đau nên có thể thực hiện mà không cần gây tê hay gây mê

A

Câu 3. Loại virus phát triển thường gặp nhất của ung thư vùng đầu cổ là

- A. Carcinoma biệt hóa
- B. Carcinoma tuyến giáp dạng nhú
- C. Carcinoma tuyến giáp dạng biệt hóa
- D. Carcinoma tế bào đáy
- E. Carcinoma tế bào gai

E

Câu 4. Chọn câu sai

- A. Rượu và thuốc lá là hai yếu tố nguy cơ quan trọng nhất của ung thư vùng đầu cổ
- B. Khi vào hút thuốc lá vào uống rượu, nguy cơ ung thư đầu cổ tăng lên gấp nhiều lần so với từng yếu tố nguy cơ đơn lẻ
- C. Epstein Bar virus là một yếu tố nguy cơ ung thư vòm hầu đã được chứng minh
- D. Virus gây bệnh ở người (HPV) không có mối liên hệ nào với ung thư vùng đầu cổ
- E. Nhiễm trùng trong miệng mạn tính là một nguyên nhân sinh ung

D

Câu 5. Chọn câu đúng về ung thư vùng đầu cổ

- A. Ung thư nguyên phát từ bào tử hiếm gặp
- B. Ung thư nguyên phát từ bào tử hiếm gặp
- C. Hồng sản và bạch sản là các sang thương tiền ung
- D. Đánh giá giai đoạn ung thư đầu cổ không bao gồm di căn xa (M)
- E. Đánh giá giai đoạn ung thư đầu cổ không bao gồm di căn hạch (N)

C

Câu 6. Nguyên nhân gây ra các triệu chứng chung trong ung thư vùng đầu cổ

- A. Đau
- B. Các rối loạn chức năng
- C. Hạch
- D. A và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 7. Chọn câu sai về các dấu hiệu nghi ngờ ung thư vùng đầu cổ

- A. Khàn tiếng kéo dài hơn 2 tuần
- B. Nghẹn mồm một bên
- C. Hạch vùng cổ
- D. Giảm VI ngoại vi
- E. Giảm bạch cầu ái toan

E

E



- A. Dạng bọt biển
- B. Viêm hóa ✓
- C. Nhân giáp trên nền viêm giáp
- D. A và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 5. Câu nào sau đây không đúng về ung thư tuyến giáp

- A. Thường di căn hạch cổ nhóm II, III, IV, VI ✓
- B. Bệnh nhân có thể đến khám vì các nguyên nhân như khó thở, khàn tiếng, nuốt vướng
- C. Lâm sàng là đủ để chẩn đoán phân biệt hạt giáp lành tính hay ác tính
- ☒ D. Do tuyến giáp ở vị trí dễ khám nên siêu âm thường không thể phát hiện nhân giáp nếu lâm sàng không sờ thấy
- E. Một khối bướu vùng cổ là triệu chứng lâm sàng thường gặp nhất ✓

Câu 6. Ông A, 50 tuổi, đến khám vì vô tình sờ thấy một khối bướu vùng cổ trong lúc tắm, ngoài ra ông không có than phiền nào khác. Tiền căn bản thân và gia đình chưa ghi nhận bất thường. Khám ghi nhận một khối bướu đường kính 2cm, vùng cạnh (T) khí quản, mật độ sượng, giới hạn rõ, di động theo nhịp nuốt, không đau. Chọn câu đúng.

- ☒ A. Cần khám thêm hạch cổ cho bệnh nhân này
- B. Không cần khám hạch vì ung thư giáp rất hiếm khi di căn hạch
- C. Không cần khám hạch vì khám bướu gợi ý lành tính
- D. Không cần khám hạch vì bệnh nhân sẽ được chỉ định siêu âm cổ
- E. C và D đúng

Câu 7. Tiếp theo bệnh nhân được chỉ định siêu âm cổ. Kết quả trả về cho thấy một nhân giáp thùy (T) dạng đặc, đường kính 2cm, echo kém, viêm hóa. Ngoài ra ghi nhận 1 hạch cổ nhóm IV đường kính 12mm, tròn, mật rắn hạch. Chọn câu đúng.

- A. Có đủ dữ kiện để chẩn đoán xác định ung thư tuyến giáp trên bệnh nhân này
- B. Hạch cổ di căn thường gặp nhất trong ung thư tuyến giáp là nhóm VI, nên hạch cổ phát hiện trên bệnh nhân này không liên quan đến ung thư tuyến giáp.
- C. Không đủ dữ kiện trên siêu âm để gợi ý nguy cơ ác tính
- ☒ D. Hạch cổ nghi ngờ cũng là một yếu tố góp phần gợi ý chẩn đoán cho ung thư tuyến giáp
- E. Kết quả siêu âm gợi ý khả năng lành tính > ác tính

Câu 8. Xử trí tiếp theo nào sau đây là hợp lý cho bệnh nhân này.